

Nhận thức của sinh viên về tệ nạn ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay : Luận văn ThS. Xã hội học: 60 31 30 Hoàng Thu Hằng ; Nghd. : TS. Trịnh Văn Tùng

1 Lý do chọn đề tài

Những năm gần đây, tệ nạn ma túy đã trở thành vấn đề có tính toàn cầu, là mối đe dọa đến hoà bình và trật tự của loài người. Do vậy, tất cả các quốc gia trên thế giới đều phải đương đầu với vấn đề này.

Trong luật phòng chống ma túy đã chỉ rõ: *"Tệ nạn ma túy là hiểm hoạ lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khoẻ, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh Quốc gia"*¹. Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều cố gắng về mặt lập pháp và hành pháp, tổ chức lực lượng đấu tranh phòng chống các tệ nạn nói chung và tệ nạn ma túy nói riêng với những kết quả đáng khích lệ, nhưng tệ nạn ma túy vẫn chưa có xu hướng giảm mà lại gia tăng. Cùng với sự gia tăng của tội phạm về ma túy, tình hình nghiện hút ma túy trong xã hội, đặc biệt là ở độ tuổi thanh thiếu niên có xu hướng tăng mạnh (có khoảng 70% số người nghiện ma túy mới ở độ tuổi thanh thiếu niên)². Vì thế, đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn ma túy là một nội dung quan trọng, là một trong những mục tiêu của Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm.

¹ Luật phòng, chống ma túy, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2007, tr.7

² <http://www.wattpad.com/132945>

Một trong những vấn đề cốt lõi trong đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy là tích cực phòng ngừa không để tệ nạn ma túy xảy ra, xoá bỏ những nguyên nhân và điều kiện làm nảy sinh tệ nạn về ma túy. Hay nói cách khác, dấu nhân của công tác này cần được đặt ở khía cạnh “phòng ngừa”. Để công tác “phòng ngừa” đạt hiệu quả cao, thì việc nắm bắt nhận thức của các tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là của sinh viên thông qua đó có những biện pháp đúng đắn hơn, thiết thực hơn nhằm giáo dục, rèn luyện, nhận thức của họ để họ trở thành lực lượng nòng cốt, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh phòng, chống ma túy là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Nhằm tìm hiểu thực trạng và mức độ nhận thức của sinh viên về tệ nạn ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội, chúng tôi quyết định nghiên cứu đề tài *"Nhận thức của sinh viên về tệ nạn ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay"* (Nghiên cứu trường hợp trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

2 Mục đích nghiên cứu

- Tìm hiểu thực trạng nhận thức (nhận biết, kiến thức, hiểu biết và tâm thế hành vi) của sinh viên về ma túy
- Đưa ra những giải pháp và khuyến nghị nhằm giúp sinh viên có những nhận thức đầy đủ và đúng đắn hơn đối với tệ nạn ma túy cũng như đối với cuộc đấu tranh phòng chống ma túy

3 Đối tượng nghiên cứu

Nhận thức của sinh viên về tệ nạn ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay.

4 Khách thể nghiên cứu

Sinh viên trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân Hà Nội và trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

5 Phương pháp thu thập và xử lý thông tin

5.1 Phương pháp phân tích tài liệu

5.2 Phương pháp định tính

5.2. 1. Phương pháp quan sát

5.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

5.3 Phương pháp định lượng

Công cụ của phương pháp này là bảng hỏi. Kết hợp với việc đọc tài liệu ban đầu cũng như các kết quả phỏng vấn, chúng tôi xây dựng bảng hỏi bán cấu trúc nhằm thu thập thông tin trên diện rộng về nhận thức của sinh viên đối với ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đặc biệt, những kết quả nghiên cứu định lượng sẽ được xử lý trên phần mềm SPSS 15.0 để khẳng định hay bác bỏ các giả thuyết được đưa ra sau khi phỏng vấn.

5.4 Giới thiệu mẫu nghiên cứu

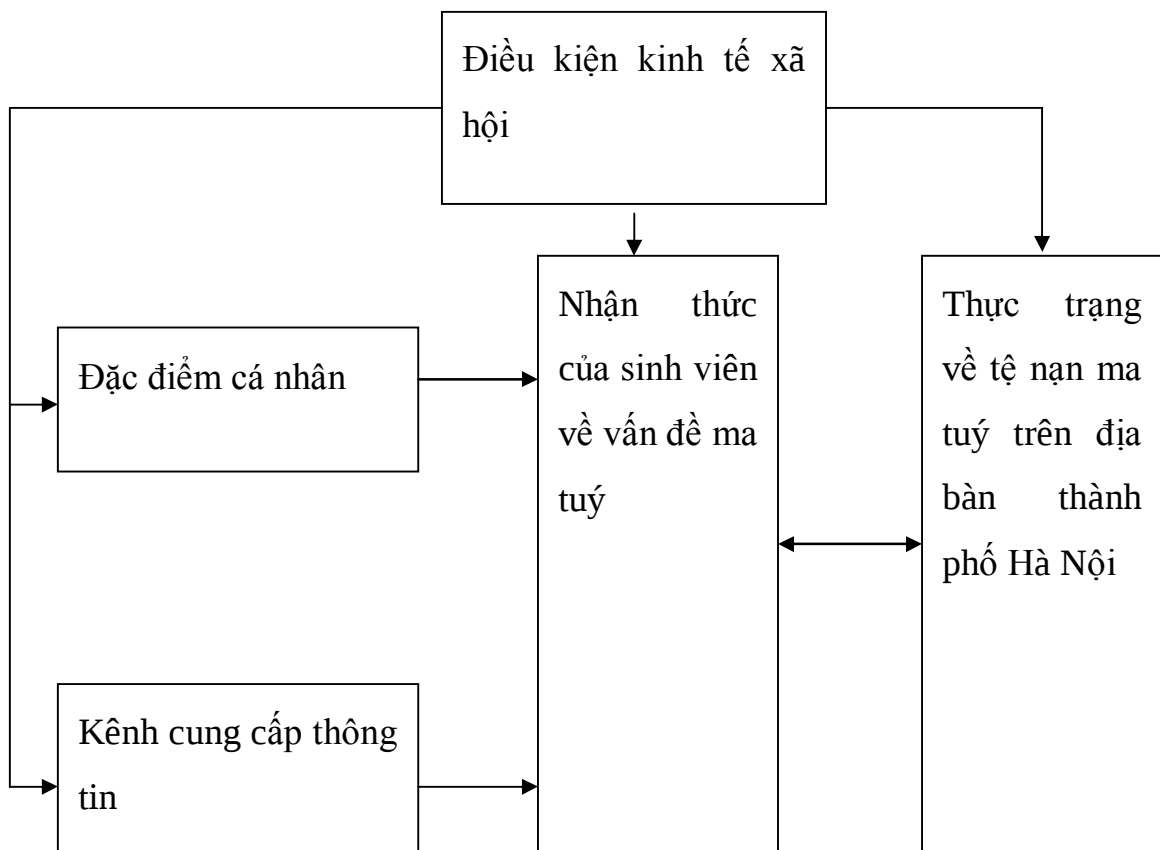
Cuộc khảo sát xã hội học được tiến hành chọn mẫu trên cơ sở danh sách sinh viên của hai trường: Đại học Kinh Tế Quốc Dân Hà Nội và Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, 201 sinh viên được chọn ngẫu nhiên ngẫu nhiên hệ thống bao gồm 95 nam sinh viên và 106 nữ sinh viên, đảm bảo điều kiện các sinh viên này là sinh viên học hệ chính quy để phỏng vấn. Vì thế 201 sinh viên này có tính chất đại diện cao cho sinh viên của hai đơn vị đào tạo trên và thông tin thu được có tính chất khách quan.

6 Giả thuyết nghiên cứu

- Sinh viên hiện nay nói chung có nhiều thông tin về ma túy, nhưng nhận thức của họ phần lớn dừng lại ở mức độ cảm tính.
- Nhận thức lý tính của một số sinh viên (những hiểu biết để chuẩn bị hành động) về vấn đề ma túy còn thấp.
- Môi trường thông tin về ma túy để nâng cao nhận thức cho đối tượng sinh viên là phong phú, nhưng vẫn chưa có một cơ chế thông tin phù hợp cho đối tượng đặc thù này.

- Đặc điểm cá nhân (Giới tính) có ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về ma túy.

7 Khung lý thuyết



PHẦN 2: NỘI DUNG CHÍNH

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1 Các lý thuyết sử dụng trong nghiên cứu

1.1 Lý thuyết xã hội hoá³

Khái niệm xã hội hoá hiện nay thường được dùng với hai nội dung: ở nội dung thứ nhất, khái niệm này chỉ sự tăng cường chú ý quan tâm của xã hội về vật chất và tinh thần đến những vấn đề, sự kiện cụ thể nào đó của xã hội mà trước đây chỉ có một bộ phận của xã hội có trách nhiệm quan tâm. Đó là quá trình xã hội hoá các vấn đề, sự kiện xã hội, như xã hội hoá giáo dục, xã hội hoá y tế...

Trong nội dung thứ hai, thuật ngữ xã hội hoá được sử dụng trong xã hội học là quá trình tương tác giữa các cá nhân và xã hội qua đó mà các cá nhân học hỏi và thực hành những tri thức, những kỹ năng và những phương pháp cần thiết để hoà nhập với xã hội.

Định nghĩa về xã hội hoá của của nhà khoa học người Nga G.Andreeva đã nêu được cả hai mặt của quá trình xã hội hoá. Mặt thứ nhất của quá trình là cá nhân nội hoá các hệ giá trị của xã hội. Đó là quá trình mà cá nhân thực hiện tương tác với xã hội nhằm thu nhận những tri thức, những kỹ năng cho bản thân mình. Mặt thứ hai của quá trình xã hội hoá là quá trình cá nhân ngoại hoá hệ giá trị của xã hội thông qua hành vi được xã hội chấp nhận. Và câu hỏi mà Andreeva đặt ra đó là cá nhân bước vào xã hội để trưởng thành thông qua các cơ chế nào? Hay đúng hơn là môi trường xã hội hoá của cá nhân sẽ được diễn ra như thế nào?

Lý thuyết xã hội hoá cũng đề cập đến môi trường xã hội hoá. Các môi trường xã hội hoá chủ yếu thường được kể đến là gia đình, trường học và các tổ chức xã hội và truyền thông đại chúng.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng lý thuyết xã hội hoá để tìm hiểu và lý giải những yếu tố môi trường sống xung quanh tác động như thế nào đến quá trình hình thành và phát triển nhận thức của sinh viên về vấn đề ma túy.

³ Phạm Tất Dong – Lê Ngọc Hùng (Đồng chủ biên), “*Xã hội học*”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội - 2001, tr.257-262

1.2 Lý thuyết về thói quen và tâm thế hành vi của Pierre Bourdieu

1.2.1. Định nghĩa

Pierre Bourdieu định nghĩa như sau : “Habitus là toàn thể các tâm thế hành vi được học hoặc thẩm thấu vào cá nhân. Cá nhân có xu hướng tái tạo các tâm thế hành vi ấy bằng cách kích hoạt các khung hành vi và thích ứng chúng với các điều kiện hay hoàn cảnh mà họ sống trong đó”⁴ .

1.2.2. Ba sắc thái ngữ nghĩa của habitus theo định nghĩa của Pierre Bourdieu

Thứ nhất, habitus là một tập hợp kết quả của các quá trình học tập (chính thức hay phi chính thức, được nói ra bằng lời hay ngầm ngấm). Các quá trình học tập ấy hình thành và khắc sâu vào trí não những mô hình hành vi, các phương thức nhìn nhận và đánh giá trong quá trình xã hội hóa.

Thứ hai, habitus là những tâm thế hành vi. Có nghĩa là, cá nhân thẩm thấu vào mình những kiểu hành vi “chờ sẵn” hay “sẵn sàng” cho hành động. Những kiểu hành vi ấy được học một cách có ý thức hay vô tình thẩm thấu trong quá trình xã hội hóa và sẽ được cá nhân nhắc lại. Pierre Bourdieu gọi hiện tượng này là “quá trình nội hóa những đặc tính bên ngoài”. Từ đó, cái vô thức của cá nhân hay tập thể được hình thành và sẽ phát huy trong các tình huống tương tự.

Thứ ba, với tư cách là hệ thống tâm thế hành vi đã đạt được, habitus đồng nghĩa với khả năng sinh ra những hành động trong những điều kiện khá tương đồng. “Habitus được định nghĩa như là hệ thống các khuôn khổ hành vi được cá nhân thẩm thấu. Những khuôn khổ hành vi ấy cho phép sinh ra mọi suy nghĩ, mọi nhận biết và mọi hành động đặc thù của một nền văn hóa”(Pierre Bourdieu : 1970, trang 152).

Trong khóa luận này, chúng tôi vận dụng ngữ nghĩa thứ hai của “habitus” để tìm hiểu xem các sinh viên đã nội hóa những nội dung, giá trị đã được học tập

⁴ Trịnh Văn Tùng, Từ điển xã hội học (dịch từ nguyên bản tiếng Pháp), André AKOUN và Pierre ANSART, Dictionnaire de Sociologie, Paris, NXB. Le Robert và Seuil, trang 253.

và tuyên truyền liên quan đến ma túy như thế nào và xây dựng tâm thế hành vi ra sao nhằm lý giải cho những hành vi của sinh viên đối với các tình huống có vấn đề liên quan đến ma túy. Nếu như những thói quen của sinh viên đã trở thành vô thức, thì khả năng bộc lộ những thói quen ấy ra ngoài trong những tình huống có vấn đề thường rất dễ dàng. Đây chính là cơ sở để đo nhận thức của sinh viên về ma túy một cách khách quan và chân thực nhất.

Ngoài ra trong khóa luận chúng tôi còn sử dụng lý thuyết: hành động xã hội

để giải thích con đường từ nhận thức về ma túy tới những hành động tích cực, hành vi đúng mức được xã hội mong đợi sinh viên với những vấn đề về ma túy. Ngoài ra, muốn đo và tìm hiểu nhận thức của sinh viên về ma túy, thì chúng ta có thể nghiên cứu những diễn ngôn của họ, những lời khai của họ thông qua phỏng vấn hay điều tra bằng bảng hỏi. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc chúng tôi muốn tìm hiểu xem sinh viên đã nội hóa các lý tưởng, giá trị về một xã hội không ma túy như thế nào trong hành động của mình.

Lý thuyết về ý thức tập thể, ý thức xã hội và ý thức cá nhân của Émile Durkheim nhằm xem xét các hệ giá trị của xã hội về vấn đề ma túy có ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức của sinh viên và sinh viên đó đã nhận thức nhận thức như thế nào về các nội dung liên quan đến ma túy. Từ chỗ có nhận thức đúng về ma túy mới có thể giúp họ có mô hình hành vi thích hợp với mong đợi của xã hội.

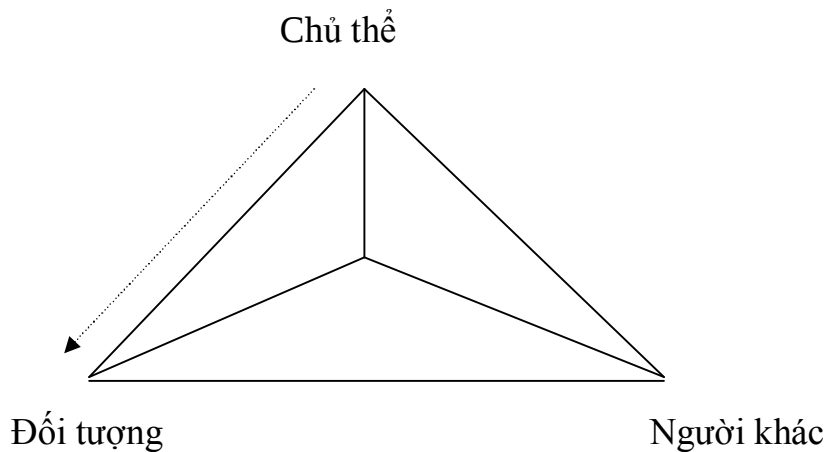
2 Hệ thống khái niệm công cụ

2.1 Khái niệm "Nhận thức"

Theo Từ điển Tiếng Việt, “Nhận thức là quá trình hoặc kết quả phản ánh và tái hiện thực vào trong tư duy, quá trình con người nhận biết, hiểu biết thế giới khách quan hoặc kết quả quá trình đó nhằm nâng cao nhận thức. Có nhận thức đúng, có nhận thức sai.”⁵

⁵ Trung tâm Từ điển, “Từ điển tiếng Việt”, NXB Đà Nẵng – 1998.

Trên cơ sở khai thác các cách thức tiếp cận và quan niệm về nhận thức của các nhà tâm lý học, xã hội học, trong phạm vi của khoá luận này, chúng tôi tiếp cận nhận thức theo lý thuyết về nhận thức của Vygotsky được cụ thể qua tam giác nhận thức của Bernard Ciof:



Việc sử dụng tam giác nhận thức này phù hợp với các lý thuyết về xã hội hoá hay ý thức xã hội đã trình bày ở phần đầu khoá luận. Theo sơ đồ nhận thức này, chủ thể thông qua đối tượng mà lớn lên. Nhưng chủ thể không thể tự nhận thức được đối tượng của mình, mà chỉ có thể nhận thức được đối tượng một cách đầy đủ và hoàn thiện nhất thông qua “người khác”. Người khác mà Vygotsky đề cập tới không phải là ai khác mà đó chính là môi trường xã hội. Trong khoá luận này, đối tượng mà sinh viên cần phải hướng đến là một xã hội không ma túy (không còn tồn tại các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy). Tuy nhiên, tự bản thân sinh viên trong một chừng mực nhất định, không tự nhận thức được đầy đủ những thông tin về xã hội không ma túy đó, mà họ nhận thức được thông qua quá trình xã hội hoá. Quá trình nhận thức này bao gồm ba giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn có thông tin về đối tượng, đó là khi mà cá nhân được cung cấp các thông tin về đối tượng.

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn nhận biết thông tin. Thông qua giai đoạn thứ nhất, cá nhân được cung cấp các thông tin về đối tượng. Cá nhân sẽ “nội hoá” các thông tin đó thành những hiểu biết ban đầu cho bản thân mình. Hay nói cách khác, đây chính là quá trình nhận thức cảm tính.

Giai đoạn thứ ba là giai đoạn hiểu biết thông tin và chuẩn bị hành động. Đây chính là giai đoạn nhận thức lý tính.

2.2 Khái niệm "chất ma túy"

Ma túy là một danh từ Hán Việt được ghép lại từ hai chữ “ma” có nghĩa là cho mê liệt và “tuý” là làm cho say sưa. Chất ma túy (gốc Hy Lạp: Nakotikoe) dùng để chỉ các chất có tác dụng gây ngủ, gây mê. Ngày nay, nó dùng để chỉ các chất tự nhiên và các chất tổng hợp có khả năng gây nghiện.

Theo Bộ luật hình sự được Quốc hội thông qua ngày 21 -12-1999 thì ma túy bao gồm nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa, cao coca; lá, hoa, quả cây cần sa, lá cây coca; quả thuốc phiện khô; quả thuốc phiện tươi; heroin; côcain; các chất ma túy khác ở thể lỏng; các chất ma túy khác ở thể rắn.

Từ các quy định của Liên Hiệp Quốc và pháp luật Việt Nam, chúng ta có thể hiểu: Ma túy là các chất có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp. Khi được đưa vào cơ thể con người, nó có tác dụng làm thay đổi trạng thái ý thức và sinh lý của người đó. Nếu lạm dụng ma túy, con người sẽ bị lệ thuộc vào nó. Khi đó, nó gây tổn thương và nguy hại cho người sử dụng và cộng đồng.

2.6 Khái niệm “Sinh viên”

Thuật ngữ sinh viên có nguồn gốc từ tiếng La-tinh “student” có nghĩa là người học tập nhiệt tình, hăng say, người tìm kiếm khai thác tri thức, khám phá kho tàng tri thức nhân loại.

Sinh viên là những người đang theo học ở bậc đại học, cao đẳng để phân biệt với học sinh phổ thông.

Trong phạm vi đề tài nghiên cứu, “sinh viên” – khách thể nghiên cứu của đề tài là những người đang học hệ chính quy tại các trường Đại học Kinh tế quốc dân và ĐH.KHXH&NV – ĐHQGHN.

CHƯƠNG II: KIẾN THỨC CHUNG CỦA SINH VIÊN VỀ TỆ NẠN MA TUÝ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1 Sơ lược về tình hình ma túy trên địa bàn Hà Nội hiện nay

Bảng 1: Tình hình công tác đấu tranh phòng chống ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội

Năm	Kết quả đấu tranh bắt giữ							
	Tổng số		Mua bán, vận chuyển, tàng trữ		Tổ chức sử dụng trái phép		Sử dụng	
	Số vụ	Số đối tượng	Số vụ	Số đối tượng	Số vụ	Số đối tượng	Số vụ	Số đối tượng
2000	1485	2119	631	988	109	236	643	999
2001	2436	3648	1431	1993	80	168	925	1486
2002	2368	3994	1706	396	81	138	581	3460
2003	2192	3229	1842	2070	11	71	699	1088
2004	2148	2903	1579	1993	18	35	551	875
2005	2206	2947	1848	2092	13	61	345	794
2006	2063	2688	1794	2168	2	15	267	505
Đến tháng 05/2007	929	1203	801	972	2	2	126	22

(Nguồn: Phòng 1/C17 – Cục CS ma túy – Bộ công an)

Qua bảng số liệu trên, ta có thể thấy được hoạt động của công tác đấu tranh phòng chống ma túy là rất phức tạp. Số lượng các vụ bắt giữ được cũng như số đối tượng bắt giữ trong các năm tuy có giảm nhưng không đáng kể, ngoại trừ có năm

2000 bắt giữ được 1485 vụ vi phạm pháp luật về ma túy ra còn lại các năm từ 2001 đến năm 2006 không có năm nào số lượng các vụ bắt được dưới 2000 vụ. Chỉ tính riêng đến tháng 05/2007 đã có 929 vụ. Về đối tượng vi phạm pháp luật về ma túy thì năm nào cũng trên 2000 đối tượng, chỉ tính riêng đến tháng 05/ 2007 đã có 1203 đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật bị bắt giữ.

Về cơ cấu các vụ phạm tội thì ta thấy, tội phạm về ma túy chủ yếu tập trung vào việc mua bán, vận chuyển và tàng trữ, sau đó đến sử dụng trái phép chất ma túy. Mặc dù khung hình phạt đối với tội mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép các chất ma túy là rất nặng, tội đa có thể bị tử hình, nhưng siêu lợi nhuận của hoạt động này mang lại đã làm mờ mắt một số đối tượng, khiến chúng vẫn tham gia hoạt động với nhiều hình thức càng ngày càng tinh vi xảo quyệt hơn.

2.Những kiến khái quát của sinh viên về ma túy.

2.1 Những nhận biết của sinh viên về các dạng tồn tại của ma túy

Ngày nay, những chất gây nghiện ngày càng nhiều, đa dạng, muôn hình muôn vẻ, nên “ma túy” được dùng để chỉ các chất gây nghiện nói chung. Các dạng tồn tại của ma túy bao gồm: dạng tự nhiên dạng bột, dạng chất lỏng, dạng viên nén, con nhộng và các loại ma túy tổng hợp khác. Kiến thức của sinh viên trong việc nhận biết các dạng tồn tại của ma túy là rất tốt. Để thấy rõ vấn đề này, chúng ta cùng xem xét bảng dưới đây.

Bảng 2: Nhận biết của sinh viên đối với các dạng tồn tại của ma túy

Nhận biết của sinh viên	Các dạng tồn tại của ma túy				
	Dạng tự nhiên: nhựa cây thuốc phiện, lá, hoa, quả cây cần sa...	Dạng bột: Hêrôin, côcain...	Dạng chất lỏng, các ống để tiêm như: Morphin...	Dạng viên nén, con nhộng	Các loại ma túy tổng hợp khác

Có	94,0	100,0	85,1	83,6	63,7
Không	6,0	0	14,9	16,4	36,3
Tổng (%)	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Qua bảng số liệu trên ta thấy, đối với các dạng tự nhiên của ma túy, có tới 94,0% sinh viên khi được hỏi đều trả lời là “có biết”. Đặc biệt, dạng ma túy bột được 100% sinh viên biết tới; 85,1% sinh có biết đến ma túy dạng lỏng như các ống tiêm; 83,6% sinh viên có biết đến ma túy dạng viên nén, con nhộng và chỉ có 63,7 % sinh viên biết đến các dạng ma túy tổng hợp khác. Điều đó có thể nói lên rằng sinh viên đã có những nhận biết rất cơ bản và khá đầy đủ về các chất ma túy.

Tuy nhiên, nếu chúng ta xem xét kỹ hơn bảng số liệu trên thì có thể thấy nhận thấy rằng, đối với những ma túy tự nhiên thì cũng có tới 6,0% sinh viên không biết đến những dạng này, đối với ma túy dạng lỏng thì có 14,9% sinh viên là không biết và đối với dạng con nhộng, viên nén có tới 16,4% đặc biệt hơn đối với các loại ma túy tổng hợp khác có tới 36,3% sinh viên là không biết tới. Qua đó ta có thể thấy được rằng mặc dù ở Việt Nam, đấu tranh phòng, chống ma túy là mặt trận nóng bỏng, bức xúc, được cả xã hội quan tâm, thì một số không nhỏ sinh viên vẫn chưa trang bị được cho mình những kiến thức cơ bản nhất để tham gia vào cuộc đấu tranh này.

2.2 Những nhận biết của sinh viên về tác hại của ma túy

Khi nghiên cứu về ảnh hưởng của ma túy đối với sức khỏe của con người, nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định rằng, ma túy là nguyên nhân gây huỷ hoại sức khỏe con người, dẫn đến bệnh tật. Ma túy còn làm gia tăng tệ nạn xã hội như: tệ nạn mại dâm, gia tăng số người bị nhiễm HIV/AIDS...; gia tăng các vụ phạm tội. Điều đặc biệt hơn, người nghiện ma túy gây ra những tác hại vô cùng to lớn đối với gia đình, cộng đồng và xã hội.

Chúng ta sẽ cùng xem xét hiểu biết của sinh viên về vấn đề này thông qua bảng số liệu dưới đây:

Bảng 3: Nhận biết của sinh viên về tác hại của ma túy

Hiểu biết của sinh viên	Tác hại của ma túy				
	Gia tăng số người bị nhiễm HIV/AIDS	Gia tăng tệ nạn mại dâm	Gia tăng các vụ tai nạn giao thông	Nảy sinh và gia tăng các vụ phạm tội	Phá vỡ hạnh phúc gia đình
Có	98,0	82,6	76,1	96,0	99,0
Không	2,0	17,4	23,9	4,0	1,0
Tổng (%)	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Bảng trên cho ta thấy, có 99,0% sinh viên cho rằng, tệ nạn ma túy phá vỡ hạnh phúc gia đình, 98% cho rằng ma túy làm gia tăng số người bị nhiễm HIV/AIDS và 96% sinh viên đồng ý rằng, ma túy làm nảy sinh và gia tăng các vụ phạm tội, 82,6% sinh viên cho rằng ma túy làm gia tăng tệ nạn mại dâm và có 76,1% sinh viên cho rằng ma túy gia tăng các vụ tai nạn giao thông. Điều đó, nói lên rằng đa số sinh viên đều có kiến thức về tác hại của ma túy. Tuy nhiên, vẫn có một số lượng nhỏ, không đáng kể, sinh viên chưa trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về vấn đề này. Cụ thể là, có 2% sinh viên cho rằng, tệ nạn ma túy không làm gia tăng số người bị nhiễm HIV/AIDS; 4% sinh viên không đồng ý với ý kiến cho rằng ma túy không làm nảy sinh các vụ phạm tội; 17,4% sinh viên cho rằng, ma túy không làm gia tăng tệ nạn mại dâm; đặc biệt hơn có tới 23,9% sinh viên không chia sẻ quan điểm theo đó, ma túy là một nguyên nhân gia tăng các vụ tai nạn giao thông.

Tóm lại, về cơ bản những kiến thức của đa số sinh viên về ma túy là rất tốt. Đó chính là những hành trang để họ có thể không những tránh xa mà còn trực tiếp tham gia vào cuộc đấu tranh vì một xã hội “không ma túy”. Tuy nhiên, bên cạnh đó

vẫn còn có một số lượng nhỏ sinh viên vẫn còn chưa nắm được những kiến thức cơ bản nhất liên quan đến ma túy.

CHƯƠNG III: THÁI ĐỘ VÀ TÂM THỂ HÀNH VI CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI CÁC TÌNH HUỐNG CÓ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN MA TUÝ

3.1 Hành vi của sinh viên trong việc tìm kiếm, trao đổi các thông tin liên quan đến ma túy.

Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo mở đợt tuyên truyền về “tháng hành động phòng chống ma túy từ ngày 01- đến 30/6 nhân ngày toàn dân phòng chống ma túy, đồng thời cũng là ngày thế giới phòng chống ma túy (26/6) bằng nhiều hình thức phong phú từ trung ương đến các địa phương. Các trường học hướng tới và xem đó là ngày Hội truyền thống toàn dân, toàn ngành giáo dục phòng chống ma túy. Và hiệu quả của các chương trình này là khá tốt, tiêu biểu như có tới 66,7% sinh viên có nhận được các thông tin liên quan đến ma túy. có 53,7% sinh viên đã từng **tự tìm hiểu** các thông tin về ma túy. Khi đã có lượng kiến thức nhất định về ma túy, có tới 41,8% sinh viên còn biết chia sẻ, lĩnh hội thêm bằng cách trao đổi với người khác về những vấn đề liên quan đến ma túy. Điều đó đã chứng tỏ được phần nào hiệu quả của công tác tuyên truyền giáo dục sinh viên phòng chống ma túy.

Bảng 4: Hành vi của sinh viên trong việc tìm kiếm các thông tin về ma túy

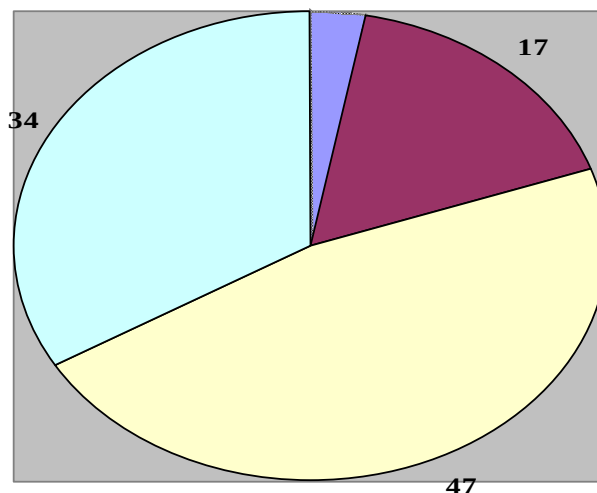
	Hành vi của sinh viên trong việc tìm kiếm các thông tin về ma túy		
	Nhận được các thông tin liên quan đến ma túy (trong 6 tháng qua)	Thảo luận/trao đổi các vấn đề liên quan đến ma túy (trong 6 tháng qua)	Tự tìm hiểu các thông tin liên quan đến ma túy
Có	66,7	41,8	53,7

Không	25,8	52,2	38,8
Không nhớ	7,5	6,0	7,5
Tổng (%)	100,0	100,0	100,0

Tuy nhiên, nếu xem xét kỹ hơn ở bảng số liệu trên, ta có thể nhận thấy rất rõ rằng, có tới 52,2% sinh viên trong vòng 06 tháng đã không có thảo luận hay trao đổi nào về các vấn đề liên quan đến ma túy, có tới 38,8% sinh viên chưa bao giờ tự tìm hiểu các thông tin về ma túy và có tới 25,8% sinh viên không nhận được các thông tin về ma túy trong vòng 06 tháng. Đây là một con số đáng báo động để chúng ta cùng nhau xem xét lại hiệu quả của công tác tuyên truyền giáo dục về phòng chống ma túy cho lứa tuổi học sinh, sinh viên.

3.2 Thái độ, hành vi của sinh viên khi bị lôi kéo, xúi giục thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật về ma túy

Bảng 10: Thái độ, hành vi của sinh viên khi bị lôi kéo, xúi giục bạn thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật về ma túy



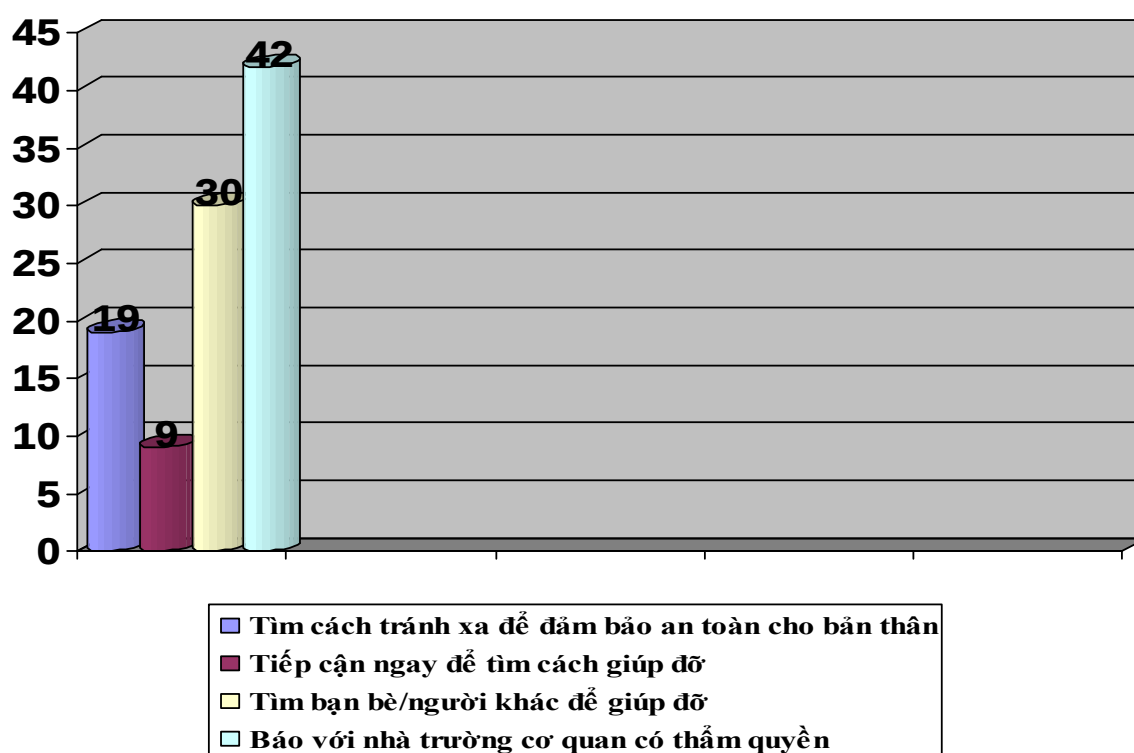
- Sẽ làm theo nếu sự lôi kéo đủ sức hấp dẫn
- Sẽ cố gắng để mình không bị cám dỗ
- Cương quyết từ chối và khuyên răn họ vì đó là hành vi sai trái
- Báo với gia đình/nhà trường/cơ quan có thẩm quyền

Khi chúng tôi đưa ra tình huống, sinh viên bị người khác lôi kéo, xúi giục thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật, thì nhận được kết quả trả lời như sau: Có tới 47% sinh viên lựa chọn phương án “cương quyết từ chối và khuyên răn họ” không nên có hành vi sai trái, 17% sinh viên lựa chọn phương án “cố gắng để mình không bị cám dỗ”. Đây chính là phương án lựa chọn tối ưu nhất mà những người làm công tác giáo dục, công tác bảo vệ pháp luật... mong muốn truyền tải đến cho sinh viên. Ngoài ra có 34% sinh viên lựa chọn phương án sẽ báo với gia đình, nhà trường và các cơ quan có thẩm quyền để được tư vấn và giúp đỡ. Đây cũng là một phương án lựa chọn hay. Tuy không ưu việt như phương án “Cương quyết từ chối và khuyên răn họ vì đó là hành vi sai trái”, nhưng nó cũng là biện pháp để giúp sinh viên tránh xa ma túy, khi họ bị lôi kéo, dụ dỗ. Tuy nhiên, vẫn còn 3% sinh viên lựa chọn phương án sẽ làm theo nếu sự lôi kéo đó đủ sức hấp dẫn. Đây chính là một thực tế mà chúng ta phải đối diện vì một khi nhân cách chưa ổn định, sự trải

nghiệm cuộc sống chưa nhiều, mà trong suy nghĩ luôn thích cái mới lạ, thì họ rất dễ bị kích động và ham muốn được khẳng định mình. Từ đó, họ có nguy cơ cao tiến hành các hành vi lệch chuẩn. Vì thế, nếu không được tuyên truyền, giáo dục, định hướng kịp thời thì họ rất dễ bị sa ngã, bị cám dỗ. Đó chính là nguyên nhân vì sao càng có nhiều sinh viên tham gia vào các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy.

3.3 Thái độ, hành vi của sinh viên trong tình huống gặp một người nghiện ma túy bị sốc thuốc ở cổng trường

Bảng 12: Thái độ, hành vi của sinh viên trong trường hợp gặp một người nghiện ma túy bị sốc thuốc ở cổng trường



Vận dụng phạm trù ngữ nghĩa thứ hai của “habitus” trong trường hợp này sẽ giúp chúng ta tìm hiểu thực tế và nguyên nhân của hành vi cá nhân đối với tình huống có vấn đề liên quan đến ma túy. Câu hỏi đặt ra cho chúng ta là: tại sao trong một tình huống hay điều kiện nào đó, cá nhân lại có những hành vi này hay hành vi khác ? Theo Pierre Bourdieu, mọi cá nhân đưa ra hành vi của mình đều dựa vào

“kinh nghiệm tức thì” . Hay nói cách khác, các thói quen và tâm thế đã được khắc sâu vào trí não như một kiểu vô thức. Tình huống có vấn đề về ma túy mà chúng tôi đưa ra ở đây là: nếu bắt gặp người nghiện ma túy bị sốc thuốc trước cổng trường, thì hành vi của sinh viên như sau: có 19 % sinh viên lựa chọn phương án tìm cách tránh xa để đảm bảo an toàn cho bản thân, 30% sinh viên lựa chọn phương án tìm bạn bè/người khác để giúp đỡ, 42% sinh viên sẽ báo với nhà trường cơ quan có thẩm quyền và chỉ có một số lượng rất ít chỉ 9% sinh viên lựa chọn phương án tiếp cận ngay để tìm cách giúp đỡ. Điều đó nói lên rằng, có một số lượng nhỏ sinh viên có nhận thức rất đầy đủ về ma túy. họ không chỉ biết được những tác hại, những kiến thức có liên quan, mà còn ý thức được trách nhiệm của mình, có một tâm thế hành vi đúng đắn trước cuộc đấu tranh phòng chống ma túy. Tuy nhiên, vẫn còn một số lượng lớn sinh viên coi việc phòng chống ma túy là của nhà trường, của các cơ quan có thẩm quyền, của người khác. Vì thế, nếu người khác cần sự giúp đỡ thì họ sẽ báo với các cơ quan có liên quan chứ rất ít người chủ động tham gia giải quyết vấn đề. Đặc biệt vẫn còn tồn tại một số lượng rất lớn sinh viên còn có lối suy nghĩ vị kỉ: đứng trước những hoàn cảnh có vấn đề, họ thường có xu hướng “chạy trốn” để đảm bảo sự an toàn cho bản thân mình là trên hết. Đây chính là nguyên nhân khiến cho vấn đề ma túy học đường càng ngày càng trở nên phức tạp và khó đẩy lùi.

Chương IV: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ MA TUÝ

4.1 Đặc điểm cá nhân

Khi xét các kết quả điều tra tại Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQGHN, chúng tôi thấy rằng, trong các đặc điểm cá nhân được xem xét chỉ có giới tính và nhận thức của sinh viên về ma túy có mối quan hệ với nhau. Còn các đặc điểm cá nhân khác của sinh viên không có ảnh hưởng tới nhận thức của họ về ma túy.

Bảng 13: Tương quan giữa giới tính với hành vi của sinh viên trong việc tìm kiếm các thông tin liên quan đến ma túy.

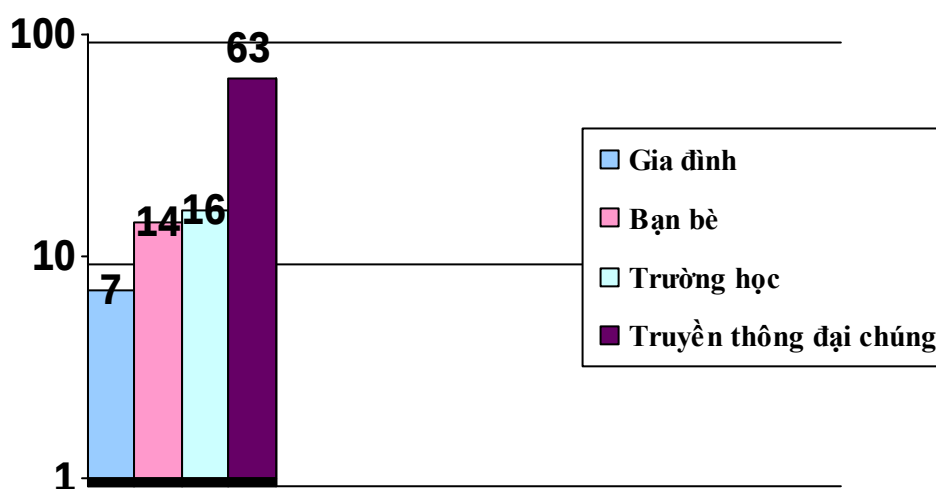
Giới tính	Nhận được các thông tin liên quan đến ma túy (trong 6 tháng qua)	Thảo luận/trao đổi các vấn đề liên quan đến ma túy (trong 6 tháng qua)	Tự tìm hiểu các thông tin liên quan đến ma túy
Nam	47,0	40,5	45,4
Nữ	53,0	59,5	54,6
Tổng số	100,0	100,0	100,0

Bảng số liệu trên cho ta thấy rằng, trong việc nhận các thông tin về ma túy, đến việc trao đổi các vấn đề liên quan tới ma túy cho tới tự tìm hiểu các thông tin liên quan đến ma túy, thì ở nhóm sinh viên nữ là có nhiều biểu hiện tích cực hơn. Cụ thể: trong việc nhận được thông tin liên quan đến ma túy (trong vòng 6 tháng) có tới 53% sinh viên nữ có nhận được trong khi đó có 47% nam sinh viên nhận được các thông tin liên quan đến ma túy. Trong việc “thảo luận/trao đổi các vấn đề liên quan đến ma túy (trong 6 tháng)” thì cũng có 59,5 % nữ sinh viên có trao đổi, thảo luận chỉ có 40,5% nam sinh viên có trao đổi với người khác về những thông tin liên quan đến ma túy; có 54,6% nữ sinh viên có tự tìm hiểu các thông tin liên quan đến ma túy và có 45,4% nam sinh viên đã từng tự tìm hiểu các thông tin về ma túy. Qua đó cho ta thấy, trong việc tiếp nhận, củng cố và trau dồi những thông tin, tri thức, kinh nghiệm liên quan đến ma túy thì nhóm nữ sinh viên có nhiều biểu hiện tích cực hơn nhóm nam sinh viên.

Ở mỗi một giới tính có những đặc thù về tâm sinh lý khác nhau. Vì thế, họ có những tâm thế và nội hóa những nội dung đã được tuyên truyền về ma túy là khác nhau. Vì thế, khi tuyên truyền giáo dục các nội dung về ma túy rất cần chú trọng tới điều này để có những biện pháp, nội dung tuyên truyền cho phù hợp nhằm đạt được hiệu quả tối ưu nhất

4.2 Các kênh cung cấp thông tin

Bảng 14: Các kênh cung cấp thông tin về ma túy cho sinh viên



Khi được hỏi về nguồn giúp sinh viên tìm hiểu các thông tin về ma túy, có 63% sinh viên lựa chọn các phương tiện truyền thông. Có 16% sinh viên tìm hiểu các thông tin về ma túy từ nhà trường. Có thể khẳng định, công tác phối hợp giáo dục phòng, chống ma túy trong trường học những năm qua đạt được những hiệu quả nhất định, đã có sự phối hợp hiệu quả trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn ma túy.

14% sinh viên lựa chọn phương án tìm kiếm thông tin về ma túy qua bạn bè.

Chỉ có 7% sinh viên lựa chọn gia đình là nơi họ có thể tìm kiếm các thông tin liên quan đến ma túy. Điều đó là một thực tế đáng báo động cho vai trò của gia đình trong công tác phòng chống ma túy. Qua đó chúng ta có thể thấy rằng, môi trường thông tin về ma túy để nâng cao nhận thức cho đối tượng sinh viên là phong phú bao gồm: gia đình, nhà trường, bạn bè và các phương tiện truyền thông. Những kênh này có thể cung cấp đầy đủ những thông tin về ma túy, nhưng vẫn chưa có một cơ chế thông tin phù hợp cho đối tượng đặc thù này.

PHẦN 3: KẾT LUẬN, GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết luận

Nhận thức của sinh viên về tệ nạn ma túy nói chung đạt ở mức cao đối với khía cạnh cảm tính và đạt mức trung bình đối với khía cạnh lí tính.

Trong thang đo nhận thức, nghiên cứu này cố gắng phân biệt thành hai cấp độ: ở cấp độ một (những nhận biết thông tin, khối lượng thông tin...) Ở cấp độ thứ hai (hiểu biết, kiến thức và đặc biệt là tâm thế hành vi trong các tình huống có vấn đề), sinh viên được đặt trong trạng thái biết như thế nào, biết một cách có hệ thống và chi tiết...đồng thời sẵn sàng đưa ra hành động gì trong trắc nghiệm tình huống. Rõ ràng cấp độ hai đặt sinh viên trong tư thế phải giải thích và chủ động đưa ra hành vi của mình. Ở cấp độ này, sinh viên của hai trường đã rất bị phân tán trong các giải pháp lựa chọn đứng trước tình huống có vấn đề. Rõ ràng là, nhận thức của bất kì đối tượng xã hội nào sẽ được lượng hoá chính xác nhất chỉ khi hành động được đưa ra trong thế chủ động. Những lựa chọn phân tán của sinh viên nói lên rằng, tâm thế hành vi phòng chống ma túy của họ thực sự chưa cao, bộc lộ nhiều rủi ro, mong manh dễ bị tổn thương và dễ bị xâm hại.

Giải pháp và khuyến nghị

Phòng chống ma túy trong học đường không phải là vấn đề của riêng ai mà phải đòi hỏi toàn xã hội phải có trách nhiệm trong đó gia đình đóng vai trò vô cùng quan trọng. Công tác tuyên truyền, vận động là hoạt động mang tính chiến lược, hàng đầu, có ý nghĩa quyết định trong việc phòng ngừa tệ nạn ma túy, đặc biệt là trong các trường học.

Hoạt động tuyên truyền giáo dục cần chú trọng vào những mục tiêu sau:

- Phải đảm bảo tính toàn diện và thường xuyên tạo ra phong trào sâu rộng trong toàn thể sinh viên lên án, phát hiện, tố giác và tham gia đấu tranh phòng chống ma túy. Tuy vậy, cần quán triệt hai đặc điểm cơ bản là đối tượng và địa bàn để có những biện pháp tuyên truyền giáo dục thích hợp.

Theo chúng tôi đối tượng nên chia thành 03 nhóm:

- Nhóm nam sinh viên và nữ sinh viên, là những giới tính có những đặc điểm tâm sinh lý khác nhau vì thế có những nhu cầu và thị hiếu khác nhau trong quá trình tiếp thu những nội dung tuyên truyền.
- Nhóm sinh viên ngoại trú và sinh viên nội trú. Thông thường nhóm sinh viên ngoại trú là nhóm được đánh giá là có nguy cơ sử dụng ma túy cao hơn nhóm sinh viên nội trú, vì thế nên có những biện pháp khác nhau khi tuyên truyền cho những đối tượng này.
- Cha mẹ, gia đình của các đối tượng trên cũng như cộng đồng dân cư nơi các sinh viên sống và học tập, có như vậy mới giúp sinh viên có được một môi trường sống thật lành mạnh trong sạch.

Nội dung tuyên truyền cần phải bao quát được những nội dung sau:

Tuyên truyền về tác hại của việc lạm dụng ma túy nhằm làm giảm nguy cơ nghiện mới hoặc tái nghiện.

Tuyên truyền về pháp luật hình sự và hậu quả pháp lý do việc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy nhằm làm giảm các tội phạm về ma túy.

Tuyên truyền ý thức trách nhiệm đấu tranh bài trừ tệ nạn ma túy cũng như giúp đỡ người nghiện ma túy, người phạm tội tái hòa nhập cộng đồng.

Điều đặc biệt là cần mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phải đưa nhà trường trở thành tâm điểm trong các chiến lược này, bởi những thế mạnh độc tôn của môi trường giáo dục.

Quan tâm đến đối tượng học sinh, sinh viên trước hết phải có hình thức dễ hấp dẫn, lôi cuốn họ vào công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy. Và hơn nữa, phải quan tâm giải quyết những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của họ; trong đó có giải quyết việc làm, vì thất nghiệp chính là một trong những nguyên nhân lôi kéo thanh niên sa vào tệ nạn xã hội nói chung và tệ nạn ma túy nói riêng.